

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 270/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-10-2024

"V/v không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nhi

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- **Thư ký phiên toà:** Ông Trần Đình Chương - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 499/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03/10/2024 về việc không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 316/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Tr, sinh năm 1983

Địa chỉ cư trú: Ấp Đông Thạnh C, xã Đ, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Hồng G, sinh năm 1983

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, phường Th, thành phố C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Tr trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng Tr và bà Trần Hồng G tổ chức đám cưới chung sống với nhau vào năm 2001. Hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm nay, hiện mỗi người sống một nơi. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, do đó ông Nguyễn Hoàng Tr yêu cầu xin ly hôn với bà Trần Hồng G.

Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng Tr và bà Trần Hồng G có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 29/6/2004 và Nguyễn S T, sinh ngày 26/4/2008. Khi ly hôn, ông Tr yêu cầu giao con chung tên Nguyễn S T, sinh ngày 26/4/2008 cho bà Trần Hồng G trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Tr không cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung tên Nguyễn Hoàng S đã thành niên, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng Tr xác định ông và bà Trần Hồng G không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Trần Hồng G trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Trần Hồng G và ông Nguyễn Hoàng Tr tổ chức đám cưới chung sống với nhau vào năm 2001. Hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm nay, hiện mỗi người sống một nơi. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, do đó bà Trần Hồng G đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Tr.

Về con chung: Bà Trần Hồng G và ông Nguyễn Hoàng Tr có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 29/6/2004 và Nguyễn S T, sinh ngày 26/4/2008. Khi ly hôn, bà Trần Hồng G yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn S T, sinh ngày 26/4/2008. Không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung tên Nguyễn Hoàng S đã thành niên, bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Hồng G xác định bà và ông Nguyễn Hoàng Tr không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Tr và bị đơn bà Trần Hồng G xin vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Ông Nguyễn Hoàng Tr và bà Trần Hồng G xác định ông, bà có tổ chức đám cưới chung sống với nhau vào năm 2001. Hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm nay, hiện mỗi người sống một nơi. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, do đó ông Nguyễn Hoàng Tr xin ly hôn với bà Trần Hồng G. Bà G đồng ý ly hôn với ông Tr. Tuy nhiên, do hôn nhân của ông

Tr, bà G không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó Hội đồng xét xử thấy cần tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Hoàng Tr và bà Trần Hồng G là vợ chồng.

[3] Ông Nguyễn Hoàng Tr và bà Trần Hồng G xác định ông, bà có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 29/6/2004 và Nguyễn S T, sinh ngày 26/4/2008. Khi ly hôn, ông Tr yêu cầu giao con chung tên Nguyễn S T, sinh ngày 26/4/2008 cho bà Trần Hồng G trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Tr không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của ông Tr phù hợp với nguyện vọng con chung, phù hợp với quy định pháp luật và được bà G đồng ý nên được chấp nhận.

[4] Đối với cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 29/6/2004, đã thành niên, có khả năng lao động. Ông Nguyễn Hoàng Tr và bà Trần Hồng G không đặt ra yêu cầu. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng Tr và bà Trần Hồng G xác định ông, bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Hoàng Tr và bà Trần Hồng G là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn S T, sinh ngày 26/4/2008 cho bà Trần Hồng G trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng Tr phải nộp 300.000 đồng. Ngày 02/10/2024, ông Tr có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0009336, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu nộp ngân sách nhà nước.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự*

*nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa  
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thắm